

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại đội 45, phân trại số 1, Trại giam Y; địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L1 ngày 23/12/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết

hôn, chị và anh L1 đã chung sống với nhau từ năm 2018 và thuê trọ tại Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị về sống chung cùng gia đình anh L1 tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường; tuy nhiên chỉ 01 tháng sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô xát; ngoài ra anh L1 không tu chí làm ăn, giao lưu với các bạn xấu, không quan tâm chăm sóc đến gia đình; chị đã khuyên nhủ anh L1 nhiều lần nhưng anh L1 vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 5/2020 chị và con đã về nhà bố mẹ để chị ở tỉnh Nam Định sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Năm 2022 anh L1 bị bắt về tội trộm cắp tài sản và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Y, tỉnh Sơn La. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh L1, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị L ngày 23/12/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do anh và chị L có mâu thuẫn nên từ tháng 5/2020 chị L và con đã về nhà bố mẹ để chị L ở thôn V, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định sinh sống cho đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung, chị L và anh L1 đều trình bày: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/01/2020. Hiện nay cháu N đang ở với chị L.

Ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Trọng N, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L1 đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu N do anh đang chấp hành án phạt tù.

Về quan hệ tài sản: Chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L, cho L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nguyễn Trọng N cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, chị L và anh L1 đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị L và anh L1 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Hiện nay anh L1 đang chấp hành án phạt tù về tội trộm cắp tài sản tại Trại giam Y; quá trình anh L1 đi chấp hành án, do vợ chồng không còn tình cảm nên chị L không đến thăm gặp anh L1, điều đó chứng tỏ giữa chị L và anh L1 đã không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đề nghị được ly hôn anh L1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị L và anh L1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/01/2020; hiện nay cháu N đang ở với chị L. Ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N; anh L1 đồng ý với đề nghị nuôi con của chị L.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị L là chính đáng, phù hợp với thực tế, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, sự phát triển ổn định về mọi mặt đối với con nên cần giao con chung là cháu Nguyễn Trọng N cho chị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con nên anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 06/01/2020; anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003477 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự.
- UBND xã Hoàng Lâu;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh

